

Số: /QĐ-UBND

Bình Sơn, ngày tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm
và động vật thủy sản trên địa bàn huyện Bình Sơn năm 2024**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Thú y ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19/01/2018;

Căn cứ Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật thú y;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ Hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 ban hành về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh và số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 719/QĐ-TTg ngày 05/6/2008 về chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm; số 1442/QĐ-TTg ngày 23/8/2011 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 719/QĐ-TTg ngày 05/6/2008; số 172/QĐ-TTg ngày 13/02/2019 về việc phê duyệt kế hoạch quốc gia phòng chống dịch cúm gia cầm giai đoạn 2019-2025; số 1632/QĐ-TTg ngày 22/10/2020 về việc phê duyệt “Chương trình Quốc gia phòng, chống bệnh Lở mồm long giai đoạn 2021-2025”; số 972/QĐ-TTg ngày 07/7/2020 về việc phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi giai đoạn 2020 -2025; số 434/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch Quốc gia phòng, chống một số bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi, giai đoạn 2021-2030; số 1814/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh Viêm da nổi cục trên trâu, bò, giai đoạn 2022-2030; số 2151/QĐ-TTg ngày 21/12/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh Đại, giai đoạn 2022-2030;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 Quy định phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản; số 24/2019/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2019 và số 09/2021/TT-BNNPTNT ngày 12/8/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 Quy định phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; Công văn số 5824/BNN-TY ngày 22/8/2023 về việc chỉ đạo xây dựng, phê duyệt và bố trí kinh phí phòng chống bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản năm 2024; số 6060/BNN-TY ngày 31/8/2023 về việc xây dựng kế hoạch và bố trí kinh phí phòng chống dịch bệnh thủy sản năm 2024;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi: số 353/QĐ-UBND ngày 09/03/2011 về việc ban hành Quy định chế độ tài chính về phòng, chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 1989/QĐ-UBND ngày 12/12/2011 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc sửa đổi, bổ sung Quy định chế độ tài chính về phòng, chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 13/2023/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy định về mức hỗ trợ sản xuất bị thiệt hại dịch bệnh trên cây trồng và vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 767/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Kế hoạch Quốc gia phòng, chống bệnh cúm gia cầm giai đoạn 2019-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 1548/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 về việc phê duyệt Kế hoạch phòng, chống bệnh DTLCP giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 523/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 về việc điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 08/10/2020; số 1827/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 về việc phê duyệt Kế hoạch phòng, chống bệnh LMLM giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 692/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch phòng, chống một số bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 312/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh VDNC trên trâu bò giai đoạn 2022-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 59/KH-UBND ngày 29/3/2022 thực hiện kế hoạch thực hiện “Chương trình quốc gia phòng chống bệnh dại giai đoạn 2022-2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 1817/QĐ-UBND ngày 06/12/2023 về việc phê duyệt Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và động vật thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2158/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND huyện Bình Sơn về việc giao dự toán thu, phân bổ chi ngân sách năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp tại Công văn số 16/TTDVNN ngày 25/01/2024 và đề nghị của Phòng Nông nghiệp và PTNT tại Công văn số 44/NNPTNT ngày 17 tháng 01 năm 2024 và ý kiến của Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Công văn số 93/TC-KH ngày 18/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và động vật thủy sản trên địa bàn huyện Bình Sơn năm 2024, với các nội dung sau:

1. Tên kế hoạch: Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và động vật thủy sản trên địa bàn huyện Bình Sơn năm 2024.

2. Đơn vị thực hiện: Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, Phòng Nông nghiệp và PTNT, Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND các xã, thị trấn.

3. Đối tượng, tỷ lệ, địa bàn và thời gian thực hiện tiêm phòng:

T T	Loại bệnh	Đối tượng tiêm phòng	Tỷ lệ và địa bàn thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Bệnh Lở mồm long móng (LMLM) gia súc	Trâu, bò từ: 04 tuần tuổi trở lên.	- Tiêm đạt tỷ lệ tối thiểu 80% tổng đàn thuộc diện tiêm. - Địa bàn: 22 xã, thị trấn	- Đợt 1: Tháng 3/2024 - Đợt 2: Tháng 11/2024 - Tiêm bổ sung thường xuyên theo khai báo của người chăn nuôi
2	Bệnh cúm gia cầm (CGC)	Gia cầm và chim cút từ 2 tuần trở lên.	- Tiêm 100% các đàn gia cầm có số lượng từ 100 con trở lên. - Địa bàn: 22 xã, thị trấn	- Đợt 1: Tháng 4/2024 - Đợt 2: Tháng 10/2024 - Tiêm bổ sung thường xuyên theo khai báo của người chăn nuôi
3	Bệnh dại động vật	Chó, mèo từ 2 tháng tuổi trở lên	- Tiêm đạt tỷ lệ tối thiểu 70% tổng đàn thuộc diện tiêm - Địa bàn: 22 xã, thị trấn	- Tiêm đại trà vào tháng 5/2024. - Tiêm bổ sung thường xuyên theo khai báo của người chăn nuôi
4	Bệnh Viêm da nổi cục (VDNC) trâu, bò	Trâu, bò, bê, nghé mọi lứa tuổi, kể cả con mẹ mang thai	- Tiêm đạt tỷ lệ tối thiểu 80% tổng đàn thuộc diện tiêm. - Địa bàn: 22 xã, thị trấn	-Tiêm đại trà 1 đợt/năm vào tháng 1-2/2024; -Tiêm bổ sung thường xuyên theo khai báo của người chăn nuôi.
5	Bệnh Dịch tả lợn Châu Phi	Theo hướng dẫn nhà sản xuất	- Tiêm đạt tỷ lệ tối thiểu 80% tổng đàn thuộc diện tiêm - Địa bàn: 22 xã, thị trấn	- Tiêm theo lứa tuổi và đúng đối tượng
6	Bệnh Tụ huyết trùng trâu bò	Trâu, bò từ 6 tháng tuổi trở lên.	- Tiêm đạt tỷ lệ tối thiểu 80% tổng đàn thuộc diện tiêm - Địa bàn: 22 xã, thị trấn	-Tiêm đại trà 1 đợt/năm vào tháng 6/2024; -Tiêm bổ sung thường xuyên theo khai báo của người chăn nuôi

7	Bệnh Dịch tả lợn cổ điển	Lợn từ 5 tuần tuổi trở lên		- Đợt 1: 4/2024 - Đợt 2: 10/2024 - Tiêm bổ sung thường xuyên theo khai báo của người chăn nuôi
8	Bệnh tai xanh	Lợn nái và đực giống	- Tiêm đạt tỷ lệ tối thiểu 80% tổng đàn thuộc diện tiêm. - Địa bàn: 22 xã, thị trấn	- Khi có dịch bệnh xảy ra

4. Vắc xin sử dụng tiêm phòng

TT	Loại bệnh	Loại vắc xin	Liều lượng
1	Bệnh LMLM gia súc	Theo Công văn chỉ đạo của Cục Thú y và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Theo qui định của nhà sản xuất
2	Bệnh Cúm gia cầm		
3	Bệnh Đại động vật		
4	Bệnh VDNC trâu bò		
5	Bệnh DTLCP		
6	Bệnh THT trâu bò		
7	Bệnh Dịch tả lợn cổ điển		

5. Nhu cầu vắc xin, vật tư và nhân lực tiêm phòng:

a) Tiêm phòng vắc xin LMLM cho trâu bò:

TT	Đơn vị	Tổng đàn trâu, bò (con)	Diện tiêm phòng (con/đợt)	Kế hoạch tiêm phòng 2 đợt/năm (con/liều)	Nguồn vắc xin (liều)	
					Huyện mua	Cấp xã và người chăn nuôi mua
1	Bình Hòa	2.529	2.000	3.000	750	750
2	Bình Minh	4.250	3.398	5.400	1.000	1.000
3	Bình Dương	1.062	850	1.300	325	325
4	Bình Thạnh	740	590	1.000	250	250
5	Bình Tân Phú	6.014	4.030	6.000	1.000	1.000
6	Bình Nguyên	2.050	1.640	1.400	350	350
7	Bình Thanh	3.800	3.040	2.000	500	500
8	Bình Phước	2.750	2.184	3.500	800	800
9	Bình Hiệp	3.750	3.000	3.000	700	700
10	Bình Trung	3.100	2.480	3.000	750	750
11	Bình Long	1.520	1.216	1.500	375	375
12	Bình Đông	152	121	200	50	50
13	Bình An	2.230	1.784	2.800	500	500
14	Bình Trị	1.200	965	1.000	250	250
15	Bình Thuận	818	666	1.000	250	250
16	Bình Hải	1.000	800	1.300	325	325
17	Châu Ô	1.576	856	1.000	250	250

TT	Đơn vị	Tổng đàn trâu, bò (con)	Diện tích tiêm phòng (con/đợt)	Kế hoạch tiêm phòng 2 đợt/năm (con/liều)	Nguồn vắc xin (liều)	
					Huyện mua	Cấp xã và người chăn nuôi mua
18	Bình Châu	2.450	1.975	3.200	450	450
19	Bình Khương	1.816	1.000	1.600	400	400
20	Bình Mỹ	2.598	2.075	3.350	400	400
21	Bình Chương	3.000	2.400	3.000	400	400
22	Bình Chánh	860	702	1.150	275	275
Tổng cộng		49.265	37.772	50.700	10.350	10.350

Tổng nhu cầu vắc xin cả năm: 50.700 liều. Trong đó:

Tỉnh hỗ trợ 59,2%, tương ứng: 30.000 liều

Ngân sách huyện mua 20,4% tương ứng: 10.350 liều

Ngân sách xã và người chăn nuôi 20,4%, tương ứng: 10.350 liều.

- Nhân lực tiêm phòng: Thú y cơ sở và huy động lực lượng thú y hành nghề tại địa phương và lực lượng dẫn đường ở thôn, tổ dân phố.

- Trang thiết bị và dụng cụ tiêm phòng: Thùng bảo quản vắc xin; xiranh 20ml; kim tiêm 12,16; giày ủng bảo hộ...và tận dụng các trang thiết bị của những năm trước.

b) Tiêm phòng Cúm gia cầm:

* Số lượng gia cầm trong diện tiêm phòng:

- Nhu cầu và nguồn vắc xin.

TT	Đơn vị	Số thôn	Tổng đàn gia cầm	Tổng diện tích tiêm (Con)	Nhu cầu vắc xin 1 đợt (Liều 0,5ml/con)	Nhu cầu vắc xin cả năm (Liều 0,5ml/con)
1	Bình Hòa	5	28.000	4.000	2.000	4.000
2	Bình Minh	1	3.000	2.400	2.000	4.000
3	Bình Dương	4	26.000	26.000	26.000	52.000
4	Bình Thạnh	2	19.000	19.000	19.000	38.000
5	Bình Tân Phú	7	35.000	28.400	14.200	19.400
6	Bình Nguyên	5	55.000	10.000	5.000	10.000
7	Bình Thanh	5	42.600	34.100	25.000	50.000
8	Bình Phước	3	18.300	6.600	6.600	13.200
9	Bình Hiệp	4	15.000	12.000	10.000	20.000
10	Bình Trung	6	35.500	7.400	3.700	7.400
11	Bình Long	2	27.000	20.800	12.400	24.800
12	Bình Đông	0	0	0	0	0
13	Bình An	1	500	400	400	800

14	Bình Trị	2	4.000	3.200	2.600	5.200
15	Bình Thuận	0	0	0	0	0
16	Bình Hải	0	0	0	0	0
17	Châu Ô	8	31.000	10.800	5.200	6.200
18	Bình Châu	2	23.000	18.400	7.400	14.800
19	Bình Khương	0	0	0	0	0
21	Bình Mỹ	1	2.000	1.500	1.500	3.000
21	Bình Chương	4	70.000	56.000	3.000	6.000
22	Bình Chánh	5	3.000	3.000	1.500	3.000
Tổng cộng		67	437.900	264.000	147.500	281.800

(Ghi chú: Chỉ tiêm cho đàn gà vịt 100 con trở lên, tổng đàn gia cầm không bao gồm các trại chăn nuôi gia công và chăn nuôi nhỏ lẻ trong nông hộ)

Tổng nhu cầu vắc xin cả năm: 281.800 liều. Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100%.
(Trong đó: sử dụng 212.000 liều vắc xin còn tồn tại Quyết định số 840/QĐ/SNNPTNT, ngày 29/12/2022 và bổ sung 69.800 liều từ nguồn ngân sách tỉnh).

- Nhân lực tiêm phòng: Thú y cơ sở và huy động lực lượng thú y hành nghề tại địa phương và lực lượng dẫn đường ở thôn, tổ dân phố.

- Trang thiết bị và dụng cụ tiêm phòng: Thùng bảo quản vắc xin; xiranh 20ml; kim tiêm 12,16; giày ủng bảo hộ...và tận dụng các trang thiết bị của những năm trước.

c) Tiêm phòng định kỳ bệnh THT trâu bò:

Nhu cầu vắc xin và nguồn vắc xin tiêm phòng

T T	Đơn vị	Nhu cầu vắc xin tiêm phòng cho 1 đợt (liều)		Kế hoạch tiêm	Nguồn vắc xin (liều)	
		Tổng đàn	THT trâu, bò		Huyện mua	Cấp xã và người chăn nuôi mua
1	Bình Hòa	2.529	1.200	1.200	600	600
2	Bình Minh	4.250	0	0	0	0
3	Bình Dương	1.062	650	650	325	325
4	Bình Thạnh	740	225	225	150	150
5	Bình Tân Phú	6.014	1.500	1.500	750	750
6	Bình Nguyên	2.050	700	700	350	350
7	Bình Thanh	3.800	200	200	100	100
8	Bình Phước	2.750	1.750	1.750	875	875
9	Bình Hiệp	3.750	1.000	1.000	500	500
10	Bình Trung	3.100	1.000	1.000	500	500

11	Bình Long	1.520	750	750	325	325
12	Bình Đông	152	0	0	0	0
13	Bình An	2.230	1.400	1.400	700	700
14	Bình Trị	1.200	325	325	175	175
15	Bình Thuận	818	500	500	250	250
16	Bình Hải	1.000	650	650	325	325
17	Châu Ô	1.576	500	500	250	250
18	Bình Châu	2.450	1.600	1.600	800	800
19	Bình Khương	1.816	600	600	300	300
20	Bình Mỹ	2.598	700	700	350	350
21	Bình Chương	3.000	500	500	250	250
22	Bình Chánh	860	650	650	325	325
Cả năm		49.265	16.400	16.400	8.200	8.200

Tổng nhu cầu vắc xin cả năm: 16.400 liều THT

Trong đó:

- Ngân sách huyện 50%, tương ứng: 8.200 liều.
- Ngân sách xã và người chăn nuôi mua 50%, tương ứng: 8.200 liều
- Nhân lực tiêm phòng: Thú y cơ sở và huy động lực lượng thú y hành nghề tại địa phương và lực lượng dẫn đường ở thôn, tổ dân phố.
- Trang thiết bị và dụng cụ tiêm phòng: Thùng bảo quản vắc xin; xiranh 20ml; kim tiêm 12, 16; giày ủng bảo hộ... và tận dụng các trang thiết bị của những năm trước.

d) Tiêm phòng vắc xin Viêm da nổi cục cho trâu bò:

- Nhu cầu vắc xin và nguồn vắc xin tiêm phòng

TT	Đơn vị	Nhu cầu tiêm phòng vắc xin cho 1 đợt/năm (liều)		Kế hoạch (liều)	Nguồn vắc xin (liều)	
		Tổng đàn trâu bò (con)	VDNC trâu, bò (con)		Huyện mua	Cấp xã và người chăn nuôi mua
1	Bình Hòa	2.529	2.000	1.400	550	550
2	Bình Minh	4.250	3.398	2.700	1.150	1.150
3	Bình Dương	1.062	850	650	175	175
4	Bình Thạnh	740	590	400	50	50
5	Bình Tân Phú	6.014	4.030	3.000	1.300	1.300
6	Bình Nguyên	2.050	1.640	700	200	200
7	Bình Thanh	3.800	3.040	2.000	800	800
8	Bình Phước	2.750	2.184	1.750	700	700

9	Bình Hiệp	3.750	3.000	2.000	800	800
10	Bình Trung	3.100	2.480	2.125	900	900
11	Bình Long	1.520	1.216	750	200	200
12	Bình Đông	152	121	100	25	25
13	Bình An	2.230	1.784	1.400	525	525
14	Bình Trị	1.200	965	500	100	100
15	Bình Thuận	818	666	500	100	100
16	Bình Hải	1.000	800	650	150	150
17	Châu Ô	1.576	856	500	100	100
18	Bình Châu	2.450	1.975	1.600	650	650
19	Bình Khương	1.816	1.000	1.200	450	450
20	Bình Mỹ	2.598	2.075	1.600	650	650
21	Bình Chương	3.000	2.400	1.500	600	600
22	Bình Chánh	860	702	575	125	125
Tổng cộng		49.265	37.772	27.600	10.300	10.300

Tổng nhu cầu vắc xin cả năm: 27.600 liều.

Trong đó tỉnh hỗ trợ 25,36%, tương ứng: 7.000 liều.

Ngân sách huyện mua 37,32% tương ứng: 10.300 liều.

Ngân sách xã và người chăn nuôi mua 37,32% tương ứng: 10.300 liều.

- Nhân lực tiêm phòng: Thú y cơ sở và huy động lực lượng thú y hành nghề tại địa phương và lực lượng dẫn đường ở thôn, tổ dân phố.

- Trang thiết bị và dụng cụ tiêm phòng: Thùng bảo quản vắc xin; xiranh 20ml; kim tiêm 12,16; giày ủng bảo hộ...và tận dụng các trang thiết bị của những năm trước.

d) Tiêm phòng vắc xin DTLCP cho lợn:

- Nhu cầu vắc xin và nguồn vắc xin tiêm phòng

T T	Đơn vị	Tổng đàn (con)	Diện tiêm phòng (con)	Kế hoạch tiêm phòng cả năm (liều)	Nguồn vắc xin (liều)	
					Huyện mua	Cấp xã và người chăn nuôi mua
1	Bình Hòa	750	200	400	200	200
2	Bình Minh	0	0	0	0	0
3	Bình Dương	60	48	80	40	40
4	Bình Thạnh	0	0	0	0	0
5	Bình Tân Phú	370	300	250	125	125
6	Bình Nguyên	0	0	0	0	0
7	Bình Thanh	2.000	1.600	200	100	100
8	Bình Phước	500	400	320	160	160
9	Bình Hiệp	2.000	1.600	350	175	175

10	Bình Trung	300	240	200	100	100
11	Bình Long	0	0	0	0	0
12	Bình Đông	0	0	0	0	0
13	Bình An	0	0	0	0	0
14	Bình Trị	900	720	1.400	700	700
15	Bình Thuận	540	425	850	425	425
16	Bình Hải	100	80	160	80	80
17	Châu Ô	4.100	600	400	200	200
18	Bình Châu	0	0	0	0	0
19	Bình Khương	0	0	0	0	0
20	Bình Mỹ	1.080	864	1.300	650	650
21	Bình Chương	1.500	1.200	1.000	500	500
22	Bình Chánh	1.200	960	1.400	700	700
Tổng cộng		53.990	9.237	8.310	4.155	4.155

Tổng nhu cầu vắc xin cả năm: 8.310 liều.

Trong đó:

- Ngân sách huyện 50%, tương ứng: 4.155 liều

- Ngân sách xã và người chăn nuôi mua 50% tương ứng: 4.155 liều.

* **Nhân lực tiêm phòng:** lượng thú y đang hoạt động tại cơ sở tham gia tiêm phòng (gồm: thú y xã, thú y hành nghề tư nhân).

6. Nhu cầu và loại hóa chất khử trùng môi trường chăn nuôi:

a) Phòng chống dịch bệnh động vật trên cạn:

- Khử trùng định kỳ: 2 đợt/năm theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

- Tiêu độc khử trùng các ổ dịch: Tại các ổ dịch.

- Hóa chất khử trùng: Loại có khả năng tiêu diệt hầu hết mầm bệnh.

b) Phòng chống dịch bệnh động vật thủy sản:

- Tiêu độc khử trùng các ổ dịch: Tại các ổ dịch.

- Hóa chất khử trùng: Loại có khả năng tiêu diệt hầu hết mầm bệnh.

c) Nhu cầu và loại hóa chất khử trùng:

T	T	Đơn vị	Nhu cầu hóa chất (1 đợt)		Nhu cầu hóa chất (cả năm)		Nhu cầu hóa chất diệt côn trùng (lít)
			Khử trùng môi trường chăn nuôi (lít)	Khử trùng môi trường nuôi trồng (kg)	Khử trùng môi trường chăn nuôi (lít)	Khử trùng môi trường nuôi trồng (kg)	
1		Bình Hòa	80	0	160	0	25

2	Bình Minh	135	0	270	0	40
3	Bình Dương	72	1.500	144	3.000	25
4	Bình Thạnh	55	1.000	110	2.000	10
5	Bình Tân Phú	220	0	340	0	45
6	Bình Nguyên	50	0	100	0	20
7	Bình Thanh	75	0	150	0	35
8	Bình Phước	135	0	270	0	25
9	Bình Hiệp	75	0	150	0	30
10	Bình Trung	65	0	130	0	25
11	Bình Long	80	0	160	0	25
12	Bình Đông	50	300	100	600	5
13	Bình An	60	0	120	0	30
14	Bình Trị	70	0	140	0	10
15	Bình Thuận	40	100	80	200	10
16	Bình Hải	30	0	60	0	10
17	Châu Ô	63	0	126	0	15
18	Bình Châu	170	0	340	0	25
19	Bình Khương	26	0	53	0	25
20	Bình Mỹ	60	0	120	0	25
21	Bình Chương	60	0	120	0	30
22	Bình Chánh	50	1.000	100	2.000	10
Tổng cộng		1.721	3.900	3.343	7.800	500

- Ngân sách huyện mua 500 lít hoá chất diệt côn trùng.
- Ngân sách tỉnh mua: 3.343 lít hoá chất khử trùng môi trường chăn nuôi.
- Người dân tự mua: 7.800 kg Chlorine.

7. Nội dung chi

a) Tiêm phòng các vắc xin cho gia súc, gia cầm

a.1) Mua vắc xin tiêm phòng:

T T	Loại vắc xin	Phân cấp Nguồn kinh phí	Đơn vị thực hiện (xã, thị trấn)
1	Cúm gia cầm	NS tỉnh 100%	22 xã, thị trấn
2	Lở mồm long móng	NS tỉnh 59,2%, NS huyện 20,4%, NS xã và người chăn nuôi 20,4%	22 xã, thị trấn và ổ dịch cũ
3	Vắc xin Đại	Người chăn nuôi chi trả	22 xã, thị trấn
4	Vắc xin Viêm da nổi cục	NS tỉnh 25,36 % NS huyện 37,32 %, NS xã và người	22 xã, thị trấn và ổ dịch cũ

		chăn nuôi 37.32 %	
5	Vắc xin DTLCP	NS huyện 50% NS xã và người chăn nuôi 50 %	22 xã, thị trấn
6	Tụ huyết trùng trâu, bò	NS huyện 50%, xã và người chăn nuôi 50%	22 xã, thị trấn
7	Vắc xin Dịch tả lợn	Người chăn nuôi chi trả	22 xã, thị trấn
8	Vắc xin tai xanh	Người chăn nuôi chi trả	22 xã, thị trấn

Ghi chú: Đối với vắc xin tai xanh lợn ngân sách tỉnh cấp khi dịch xảy ra.

a.2) Kinh phí cho lực lượng trực tiếp tham gia tiêm phòng:

TT	Loại vắc xin	Phân cấp nguồn kinh phí	Ghi chú
1	Cúm gia cầm	Người chăn nuôi chi trả	
2	Lở mồm long móng	NS xã và người chăn nuôi chi trả	
3	Dại	Người chăn nuôi chi trả	
4	Viêm da nổi cục	NS xã và người chăn nuôi chi trả	
5	DTLCP	NS xã và người chăn nuôi chi trả	
6	Tụ huyết trùng trâu, bò	NS xã và người chăn nuôi chi trả	
7	Dịch tả lợn	NS xã và người chăn nuôi chi trả	

Bồi dưỡng cán bộ huyện, xã được cơ quan có thẩm quyền quyết định bằng văn bản phân công, theo dõi, kiểm tra chỉ đạo tiêm phòng và những chi phí khác phục vụ cho công tác tiêm phòng vắc xin: Ngân sách huyện hỗ trợ.

b) Tiêu độc, khử trùng môi trường chăn nuôi

- Hóa chất

+ Tỉnh hỗ trợ: 3.343 lít hoá chất khử trùng

+ Ngân sách huyện mua: 500 lít hoá chất diệt côn trùng

+ Người dân tự mua: 7.800 kg Chlorine

- Công tiêu độc khử trùng: cán bộ xã được cơ quan có thẩm quyền quyết định bằng văn bản phân công tiêu độc khử trùng: Ngân sách huyện hỗ trợ 310.000.000 đồng trong năm nếu vượt quá mức hỗ trợ thì ngân sách xã và người chăn nuôi chi trả.

c) Mua dụng cụ, vật tư phục vụ cho công tác tiêm phòng:

Ngân sách huyện, xã hỗ trợ mua dụng cụ thú y: xi lanh tiêm phòng, kim tiêm, panh kẹp, quần áo bảo hộ cá nhân, găng tay, khẩu trang, thùng bảo ôn bảo quản vắc xin, ...

d) Giám sát:

- Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện: Khi dịch xảy ra, phối hợp với Chi cục Chăn nuôi và thú y tỉnh lấy mẫu gửi xét nghiệm xác định nguyên nhân gây bệnh để hướng dẫn biện pháp xử lý ổ dịch.

- UBND cấp xã: Tổ chức giám sát công tác tiêm phòng, khử trùng tiêu độc và dịch bệnh tại địa phương.

e) Tập huấn:

Tập huấn về tiêm phòng các loại vắc xin và phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm bệnh cho thú y viên và người chăn nuôi.

Tập huấn về phòng chống dịch bệnh động vật thủy sản cho các xã nuôi trồng thủy sản.

f) Chi bảo quản, vận chuyển vắc xin, hóa chất

Ngân sách huyện chi trả cho việc vận chuyển vắc xin, hóa chất từ tỉnh về huyện và công tác bảo quản vắc xin, hóa chất.

g) Thông tin tuyên truyền

- Tập huấn về kỹ thuật tiêm phòng vắc xin và phòng chống dịch bệnh cho thú y viên và người chăn nuôi từ nguồn ngân sách cấp huyện. Biện pháp chăn nuôi, tái đàn an toàn dịch bệnh và các bệnh mới như bệnh Viêm da nổi cục (VDNC) trên trâu bò, Cúm gia cầm A/H5N8; in ấn tờ rơi và tuyên truyền bằng xe lưu động.

- Tổ chức họp lãnh đạo UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, ban ngành có liên quan trước và sau mỗi đợt tiêm phòng, chống dịch; tổ chức sơ, tổng kết công tác phòng chống dịch năm 2024 và khen thưởng những đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc.

- UBND các xã, thị trấn sau mỗi đợt tiêm phòng, chống dịch cần sơ kết, đánh giá rút kinh nghiệm để chỉ đạo cho lần sau.

h) Kiểm tra công tác phòng, chống dịch

Theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, thành viên BCH Phòng chống dịch cấp huyện tổ chức thực hiện kiểm tra công tác phòng, chống dịch.

k) Chống dịch khi có dịch xảy ra:

- Nội dung chi:

+ Khi dịch bệnh xảy ra, căn cứ vào mức độ, quy mô, tính chất nguy hiểm của dịch bệnh, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện tham mưu UBND huyện chỉ đạo thực hiện đầy đủ, hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch theo quy định Luật Thú y, Luật Chăn nuôi và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

+ Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT, Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu UBND huyện sử dụng nguồn kinh phí dự phòng ngân sách để chi phục vụ công tác chống dịch trên địa bàn; kết thúc chống dịch, tổng hợp kinh phí thực hiện theo thực tế và

chế độ tài chính quy định hiện hành gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, gửi Sở Tài chính thẩm tra, trình UBND tỉnh quyết định bổ sung kinh phí cho UBND huyện (phần kinh phí ngân sách tỉnh hỗ trợ).

- Định mức chi: Định mức chi phục vụ công tác phòng, chống dịch thực hiện theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ; các Quyết định của UBND tỉnh: Số 353/QĐ-UBND ngày 09/03/2011, số 1989/QĐ-UBND ngày 12/12/2011 và số 13/QĐ/UBND ngày 29/3/2023 và các văn bản liên quan theo quy định hiện hành của nhà nước.

*** Những trường hợp chủ cơ sở chăn nuôi có gia súc, gia cầm thuộc đối tượng tiêm phòng không chấp hành tiêm phòng theo Kế hoạch của ngành Thú y; chủ cơ sở nuôi trồng thủy sản không thực hiện đúng các hướng dẫn của ngành chức năng như không kiểm dịch con giống, không nuôi đúng lịch thời vụ, ... và chủ cơ sở chăn nuôi với quy mô trang trại không khai báo chăn nuôi theo quy định để xảy ra dịch bệnh buộc phải tiêu hủy thì chủ cơ sở sẽ không được hỗ trợ thiệt hại.**

8. Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách huyện.

- **Tổng kinh phí:** 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng)

Trong đó:

+ Phòng chống bệnh LMLM gia súc:	250.320.000 đồng.
+ Phòng chống bệnh Cúm gia cầm:	13.000.000 đồng.
+ Phòng chống bệnh Đại :	4.000.000 đồng.
+ Phòng chống bệnh VDNC:	576.950.000 đồng.
+ Phòng chống bệnh THT trâu bò:	46.640.000 đồng.
+ Phòng chống bệnh DTLCP:	183.355.000 đồng
+ Phòng chống bệnh thủy sản:	20.000.000 đồng.
+ Tiêu độc khử trùng môi trường chăn nuôi:	320.000.000 đồng
+ Tập huấn công tác tiêm phòng, phòng chống dịch:	20.000.000 đồng.
- Dự phòng ngân sách để hỗ trợ gia súc phản ứng do tiêm phòng (chết và điều trị) ... :	65.735.000 đồng

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

- Ngoài nguồn kinh phí hỗ trợ của UBND huyện, UBND các xã, thị trấn chủ động sử dụng từ nguồn kinh phí ngân sách cấp mình để phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn xã, thị trấn năm 2024.

Điều 2. Phương thức cấp phát và thanh quyết toán kinh phí

1. Về vắc xin, hóa chất:

- Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện mua, tiếp nhận phối hợp Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện tham mưu UBND huyện phân bổ vắc xin, hóa chất phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và động vật thủy sản theo Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và động vật thủy sản trên địa bàn huyện Bình Sơn năm 2024 đã được phê duyệt. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh theo nhu cầu thực tế, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện tham mưu UBND huyện điều chỉnh vắc xin tiêm phòng phân bổ cho các xã, thị trấn theo thực tế phát sinh trên địa bàn huyện để công tác phòng, chống dịch bệnh đạt hiệu quả.

- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm về số lượng gia súc, gia cầm thuộc diện tiêm phòng năm 2024 do địa phương quản lý, chủ động đăng ký với Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện, Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện và tiếp nhận các loại vắc xin, hóa chất do tỉnh, huyện cấp tại Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện để triển khai kế hoạch tiêm phòng, tiêu độc khử trùng đúng tiến độ được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

2. Về kinh phí:

- Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp: chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng nguồn kinh phí phòng, chống dịch đảm bảo theo đúng qui định hiện hành của nhà nước. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu các nội dung chi và mức hỗ trợ ngân sách huyện tăng so với kế hoạch được phê duyệt tại quyết định này, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tham mưu UBND huyện điều chỉnh, bổ sung Quyết định cho phù hợp với tình hình thực tế để bảo đảm hiệu quả công tác phòng chống dịch bệnh gia súc và gia cầm trên địa bàn huyện năm 2024.

- Đối với UBND các xã, thị trấn: Trong quá trình triển khai thực hiện, trên cơ sở nội dung và kinh phí được Chủ tịch UBND huyện phê duyệt, UBND các xã, thị trấn chủ động sử dụng nguồn kinh phí theo phân cấp và theo thẩm quyền nhưng phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức chi. Đồng thời tập trung cho công tác tuyên truyền, xã hội hóa nguồn vắc xin phòng chống dịch bệnh gia súc và gia cầm từ người chăn nuôi, doanh nghiệp để đạt chỉ tiêu so với tổng đàn tại địa phương mình.

3. Thanh, quyết toán kinh phí

Thanh quyết toán kinh phí phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và động vật thủy sản năm 2024 phải theo Kế hoạch đã được Chủ tịch UBND huyện phê duyệt; cơ chế, chính sách hiện hành và hồ sơ chứng từ theo qui định.

Kết thúc công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và động vật thủy sản năm 2024, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện, UBND các xã, thị trấn căn cứ các chế độ tài chính hiện hành, chịu trách nhiệm kiểm tra, tổng hợp, báo cáo UBND huyện (qua Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện) để thẩm định quyết toán và tổng hợp vào báo cáo quyết toán chung của ngân sách huyện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng các Phòng: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện Bình Sơn; Giám đốc Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Chi Cục Chăn nuôi và Thú y;
- T.T Huyện ủy, T.T HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- VP HĐND&UBND: PCVP, CV;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ung Đình Hiền

Phụ lục 1: Dự toán chi tiết phòng, chống dịch bệnh Lở mồm long móng

ĐVT: 1.000 đồng

T T	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Mua vắc xin (type O, A)	Liều	10.350	20.800	215.280
2	Chi phí bảo quản, vận chuyển vắc xin	Đợt	02	4.000	8.000
3	In phiếu tiêm phòng	Tờ	15.200	200	3.040
4	Chi kiểm tra công tác tiêm phòng	Đợt	2	2.000	4.000
5	Dụng cụ vật tư tiêm phòng	Đợt	2	10.000	20.000
Tổng cộng					250.320

Phụ lục 2: Dự toán chi tiết phòng, chống dịch bệnh Cúm gia cầm

ĐVT: 1.000 đồng

T T	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi phí vận chuyển vắc xin từ tỉnh đến huyện	đợt	2	2.000	4.000
2	Chi kiểm tra công tác tiêm phòng	đợt	2	2.000	4.000
3	Dụng cụ vật tư tiêm phòng	Đợt	1	5.000	5.000
Tổng cộng					13.000

Phụ lục 3: Dự toán chi tiết phòng, chống dịch bệnh Đại

ĐVT: 1000 Đồng

T T	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi kiểm tra công tác tiêm phòng	đợt	2	2.000	4.000
Tổng cộng					4.000

Phụ lục 4: Dự toán chi tiết phòng, chống dịch bệnh VDNC

ĐVT: 1000 Đồng

T T	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Mua vắc xin Viêm da nổi cục	liều	10.300	36.500	375.950
2	Chi phí bảo quản, vận	Đợt	1	4.000	4.000

	chuyên vắc xin				
3	Mua hóa chất diệt côn trùng	lít	500	370.000	185.000
4	Chi kiểm tra công tác tiêm phòng	Đợt	1	2.000	2.000
5	Dụng cụ, vật tư tiêm phòng	Đợt	1	10.000	10.000
Tổng cộng					576.950

Phụ lục 5: Dự toán chi tiết phòng, chống dịch bệnh THT trâu bò

ĐVT: 1000 đồng

T T	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Mua vắc xin THT trâu bò	Liều	8.200	5.200	42.640
2	Chi phí bảo quản	Đợt	1	1.000	2.000
3	Chi kiểm tra công tác tiêm phòng	Đợt	1	2.000	2.000
Tổng cộng					46.640

Phụ lục 6: Dự toán chi tiết phòng, chống dịch bệnh DTLCP

ĐVT: 1000 đồng

T T	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Mua vắc xin DTLCP	Liều	4.155	41.000	170.355
2	Chi phí vận chuyển, bảo quản vắc xin	Đợt	2	2.000	4.000
3	Chi kiểm tra công tác tiêm phòng	Đợt	2	2.000	4.000
4	Dụng cụ vật tư tiêm phòng	Đợt	1	50.000	5.000
Tổng cộng					183.355

Phụ lục 7: Dự toán chi tiết phòng, chống dịch bệnh thủy sản

ĐVT: 1000 Đồng

TT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Tập huấn	Đợt	1	10.000	10.000
2	Dụng cụ, vật tư, vận chuyển	Đợt	2	2.000	4.000
3	Hỗ trợ công kiểm tra, giám sát dịch bệnh	Công	100	60	6.000

Tổng cộng				20.000
------------------	--	--	--	---------------

Phụ lục 8: Dự toán chi tiết tiêu độc, khử trùng môi trường chăn nuôi

ĐVT: 1000 Đồng

TT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Công phun	Công			
	Ngày thường	Công	1.500	100.000	150.000
	Thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ	Công	800	200.000	160.000
2	Hỗ trợ công kiểm tra, giám sát	Đợt	2	3.000	6.000
3	Vận chuyển hóa chất	Đợt	2	2.000	4.000
	Tổng cộng				320.000

Phụ lục 9: Dự toán chi tiết tập huấn công tác tiêm phòng, phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm

ĐVT: 1000 Đồng

TT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Tập huấn	Đợt	2	10.000	20.000
-	Tập huấn công tác tiêm phòng các loại vắc xin	Đợt	1	10.000	10.000
-	Tập huấn các bệnh: VDNC, LMLM, DTLCP...	Đợt	1	10.000	10.000
	Tổng cộng				20.000